

Số: 402/2020/QĐST-HNGĐ

Đà Lạt, ngày 30 tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 543/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020, giữa:

+ Nguyên đơn: Anh **Phạm Bửu L**, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Số X (số mới Y) đường Đ, Phường Z, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

+ Bị đơn: Chị **Phạm Thị Nguyệt A**, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Số X, đường P, Phường M, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Bửu L và chị Phạm Thị Nguyệt A.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Bửu L và chị Phạm Thị Nguyệt A thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Phạm Bửu L và chị Phạm Thị Nguyệt A thống nhất thỏa thuận giao con chung là Phạm Phú H, sinh ngày 27.5.2008 và Phạm Trung T, sinh ngày 08.01.2014 cho anh L có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Giao con chung là Phạm Lê Thảo V, sinh ngày 12.3.2005 và Phạm Lê Quỳnh A, sinh ngày 01.7.2017 cho chị A có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con.

Về việc cấp dưỡng nuôi con anh L và chị A thống nhất để hai bên tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh L và chị A xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Phạm Bửu L nhận chịu 150.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0003067 ngày 29.9.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Hoàn trả cho anh L 150.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Chi cục THADS thành phố Đà Lạt;
- UBND Phường 4, thành phố Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Ngọc